TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 17/3/2020
V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Ông Trịnh Xuân Tháp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà 7, đường Dịch vụ Cây Trồng, Ấp C, xã Th, huyện V, tỉnh Đ.

* *Bị đơn*:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970;

- Ông Hoàng Xuân H1, sinh năm 1968;

- Anh Hoàng Xuân Th, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Khu tái định cư Miền Đông, Ấp C, xã Th, huyện V, tỉnh Đ.

(Bà Q có mặt; bà H, ông H1, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2019, các bản khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Ngày 04/5/2016, bà có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/ tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 05/5/2016 đến ngày 05/12/2016. Lúc vay, hai bên có lập hợp đồng nhưng không có chứng thực, bà đã giao đủ số tiền 30.000.000 đồng bà H, anh Th, ông H1 đều thừa nhận số tiền vay nhưng đến hạn không trả nợ.

Ngày 22/4/2017, bà cho bà Nguyễn Thị H, anh Hoàng Xuân Th vay thêm số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 22/4/2017 đến ngày 22/4/2018. Ban đầu thỏa thuận chuyển tiền vào tài khoản của bà H nhưng sau đó đưa tiền mặt số tiền 200.000.000 đồng. Đến hạn bà H, anh Th không trả nợ gốc.

Ngày 14/4/2018, bà Q cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 14/4/2018 đến ngày 17/4/2018. Khi vay có làm hợp đồng bằng giấy tay nhưng đến hạn bà H, anh Th không trả nợ gốc.

Về số tiền lãi của các khoản vay bà H đã trả được 126.950.000 đồng kể từ năm 2016 cho đến ngày 30/7/2019.

Nay bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Xuân H1, anh Hoàng Xuân Th pH1 trả số tiền nợ gốc của 03 hợp đồng vay là 330.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Xuân H1, anh Hoàng Xuân Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

- Về tố tụng:

+ Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền 330.000.000 đồng, bị đơn có nơi cư trú tại Khu dân cư

Miền Đông, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu; căn cứ vào các Điều 25, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng thứ nhất: Ngày 04/5/2016, ông Hoàng Xuân H1, bà Nguyễn Thị H vay của bà Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000 đồng, hai bên có viết giấy mượn tiền. Ông H1 và bà H ký xác nhận. Nội dung trong hợp đồng không ghi mức lãi suất, nhưng các bên thỏa thuận lãi pH1 trả là 3%/tháng, mục đích vay để lo việc học cho anh Hoàng Xuân Th.

Hợp đồng thứ hai: Ngày 22/4/2017, bà Nguyễn Thị H và anh Hoàng Xuân Th vay của bà Nguyễn Thị Q số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 3%/tháng, lãi suất quá hạn là 10%/tháng. Bà H và anh Th ký xác nhận.

Hợp đồng thứ ba: Ngày 14/4/2018, bà Nguyễn Thị H và anh Hoàng Xuân Th vay của bà Nguyễn Thị Q số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền, nội dung trong giấy vay tiền không ghi lãi và thời hạn thanh toán nhưng thỏa thuận ngoài lãi hàng tháng pH1 trả là 3%. Anh Hoàng Xuân Th và bà Nguyễn Thị H ký xác nhận vào giấy vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Q trình bày cho bà H, anh Th và ông H1 vay với số tiền tổng cộng là 330.000.000 đồng và cung cấp các bản chính giấy vay tiền có chữ ký của ông H1, bà H và anh Th, mục đích vay tiền để sử dụng vào việc xây nhà và chi phí học cho anh Hoàng Xuân Th. Đối với bị đơn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc, tống đạt các thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ yêu cầu nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc có vay nợ hay không? Việc trả nợ gốc, nợ lãi như thế nào? Mục đích vay tiền để làm gì?. Tống đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ kèm theo bản phô tô các giấy vay nợ nguyên đơn đã nộp tại Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn ông H1, bà H, anh Th không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu chứng cứ và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử. Nguyên đơn trình bày đã giao tiền và thừa nhận đã nhận tiền lãi của bị đơn tới thời điểm khởi kiện nên hợp đồng vay tài sản giữa bà Q và ông H1, bà H, anh Th có hiệu lực. Trước khi khởi kiện nguyên đơn đã đến gặp và thông báo về việc yêu cầu trả nợ gốc nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà

Nguyễn Thị Q buộc bà H, ông H1, anh Th pH1 có trách nhiệm trả nợ vay với số nợ gốc 330.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với nợ lãi, nguyên đơn thừa nhận đã nhận được số tiền lãi bị đơn trả là 126.950.000 đồng kể từ khi vay đến ngày 30/7/2019, số tiền lãi này không vượt quá lãi suất 20%/năm theo quy định của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và thấp hơn số tiền lãi mà bị đơn pH1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Đồng thời, nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi, bị đơn không có ý kiến về số tiền lãi trả, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn pH1 chịu án phí với số tiền là 16.650.000 đồng (5% x 330.000.000 đồng), theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Q được hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 8.250.000 đồng.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 25, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 401, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Xuân H1, anh Hoàng Xuân Th pH1 trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Xuân H1, anh Hoàng Xuân Th pH1 chịu số tiền án phí là 16.650.000đ (mười sáu triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.250.000 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002030 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH1 trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH1 thi hành án còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Quang